

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-27
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: Hai Phong Securities Joint Stock Company. Tên viết tắt là: HASECO.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 235/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 309.789.530.000 VND (Ba trăm lẻ chín tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng). Tương đương 30.978.953 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại Hà Nội	Số 4, Phố Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh	Tầng 4, Tòa nhà Center Garden, Số 225 Bến Chương Dương, Quận I, TP Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Trương Thị Kim Oanh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/08/2009
Ông Đoàn Văn Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/05/2009
Bà Trương Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 05/05/2009 đến ngày 30/08/2009
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2009

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Minh



Số: 198 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 10 tháng 03 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 31/12/2009.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		328.218.869.670	195.515.794.190
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		70.798.809.661	16.026.301.792
111	1 Tiền	4	70.798.809.661	16.026.301.792
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	108.163.954.872	64.968.682.870
121	1 Đầu tư ngắn hạn		148.379.178.942	152.714.398.082
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(40.215.224.070)	(87.745.715.212)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		141.811.951.884	70.381.885.237
131	1 Phải thu của khách hàng		109.370.000	3.150.197.192
132	2 Trả trước cho người bán		804.817.066	16.775.097.335
138	5 Các khoản phải thu khác	6	140.897.764.818	50.456.590.710
150	V Tài sản ngắn hạn khác		7.444.153.253	44.138.924.291
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		579.349.091	455.014.345
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		1.715.383.146	-
154	3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	225.711.332	225.711.332
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		4.923.709.684	43.458.198.614
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		136.291.186.383	251.887.728.077
220	II Tài sản cố định	8	23.282.437.199	6.408.974.576
221	1 Tài sản cố định hữu hình		12.018.236.362	5.588.451.656
222	- Nguyên giá		16.885.049.162	8.591.184.626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.866.812.800)	(3.002.732.970)
227	3 Tài sản cố định vô hình		11.264.200.837	820.522.920
228	- Nguyên giá		12.746.211.080	1.763.085.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.482.010.243)	(942.562.080)
240	III Bất động sản đầu tư	9	22.284.683.636	24.000.000.000
241	- Nguyên giá		22.284.683.636	24.000.000.000
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	88.236.526.203	219.515.389.624
253	3 Đầu tư chứng khoán dài hạn		71.807.126.203	214.515.389.624
258	4 Đầu tư dài hạn khác		16.429.400.000	5.000.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		2.487.539.345	1.963.363.877
261	1 Chi phí trả trước dài hạn		-	314.460.315
263	3 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	2.487.539.345	1.648.903.562
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		464.510.056.053	447.403.522.267

1.183
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
HẢI PHÒNG
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG
QUẢN LÝ
VÀ KIỂM
SỐAANK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		68.650.790.730	62.746.749.896
310	I Nợ ngắn hạn		68.077.892.447	62.730.327.757
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	59.000.000.000	53.760.000.000
312	2 Phải trả người bán		1.874.580.000	39.600.590
313	3 Người mua trả tiền trước		207.000.000	1.520.500.000
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	96.480.020	186.154.917
315	5 Phải trả người lao động		2.444.964.736	-
320	8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		20.325.000	989.811.876
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		981.631.400	2.509.520.700
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	3.452.911.291	3.724.739.674
330	II Nợ dài hạn		572.898.283	16.422.139
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		65.629.298	2.561.853
339	8 Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		507.268.985	13.860.286
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		395.859.265.323	384.656.772.371
410	I Vốn chủ sở hữu	15	395.365.034.016	382.690.792.754
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		309.789.530.000	239.398.090.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		163.240.342.400	233.654.268.000
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(15.022.390.400)	(6.626.436.000)
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(107.197.674.715)	(128.290.355.977)
430	II Quỹ khen thưởng, phúc lợi		494.231.307	1.965.979.617
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		464.510.056.053	447.403.522.267

Ghi chú: Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày đầu năm và cuối năm không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
006	6 Chứng khoán lưu ký		620.744.210.000	563.865.750.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		567.617.220.000	556.126.760.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		24.245.750.000	38.634.790.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		541.123.590.000	515.960.580.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.247.880.000	1.531.390.000
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		22.494.470.000	-
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		5.597.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		16.897.470.000	-
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		26.351.800.000	7.738.990.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	53.090.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		26.351.800.000	7.685.900.000
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		4.280.720.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		4.280.720.000	-
083	9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		52.119.430.000	70.752.970.000

Người lập



Đặng Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh



Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu	16	109.522.067.568	67.871.689.367
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		38.209.732.253	21.900.544.713
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		69.032.154.599	24.829.794.803
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		30.000.000	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		679.471.968	165.829.300
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		22.544.283	44.600.001
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		3.636.364	-
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		91.995.024	-
01.9	Doanh thu khác		1.452.533.077	20.930.920.550
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		109.522.067.568	67.871.689.367
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	17	82.289.412.071	175.933.452.412
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		27.232.655.497	(108.061.763.045)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	14.632.900.188	11.739.362.932
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.599.755.309	(119.801.125.977)
31	8 Thu nhập khác		9.824.675	-
32	9 Chi phí khác		6.128.722	-
40	10 Lợi nhuận khác		3.695.953	-
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.603.451.262	(119.801.125.977)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.603.451.262	(119.801.125.977)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	452	(6.622)

Người lập



Đặng Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh



Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		12.603.451.262	(119.801.125.977)
02	Khấu hao tài sản cố định		2.509.749.888	1.650.071.123
03	Các khoản dự phòng		(47.530.491.142)	69.429.680.332
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.334.155.899)	(10.543.425.599)
06	Chi phí lãi vay		746.610.568	501.443.010
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(39.004.835.323)	(58.763.357.111)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(32.937.644.499)	1.991.363.002
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		664.040.834	(100.599.314.250)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		190.125.569	303.091.541
13	Tiền lãi vay đã trả		(746.610.568)	(501.443.010)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.000.000	3.321.806
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.314.080.046)	(3.346.695.660)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(74.107.004.033)	(160.913.033.682)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(19.389.341.233)	(2.225.068.434)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.695.953	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán, chi đầu tư góp vốn		(725.279.529.643)	(328.498.283.333)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán, thu hồi vốn góp		860.893.612.204	226.566.277.791
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.340.284.621	10.543.425.599
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		123.568.721.902	(93.613.648.377)
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		70.790.000	79.645.680.000
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(15.089.809.000)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		365.500.000.000	314.860.000.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(360.260.000.000)	(281.100.000.000)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(23.095.377.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.310.790.000	75.220.493.400

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		54.772.507.869	(179.306.188.659)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		16.026.301.792	195.332.490.451
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	70.798.809.661	16.026.301.792

Người lập



Đặng Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh



Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Minh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009****1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Các đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại Hà Nội	Số 4, Phố Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh	Tầng 4, Tòa nhà Center Garden, Số 225 Bến Chương Dương, Quận I, TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 235/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, Vì vậy:

- Một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh báo cáo tài chính số 22).
- Giá trị dự phòng giảm giá chứng khoán ngân quỹ đã trích lập tại thời điểm 31/12/2008 theo định tại Chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 đã được hoàn nhập trong kỳ với số tiền là 8.489.230.000 VND và được ghi tăng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.



Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm(VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	36.351.532	1.437.266.918.800
- Cổ phiếu	33.825.732	1.397.154.437.800
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	2.525.800	40.112.481.000
b) Của người đầu tư	430.835.534	14.851.542.884.800
- Cổ phiếu	419.428.034	14.720.545.999.800
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	11.407.500	130.996.885.000
Tổng cộng	467.187.066	16.288.809.803.600

4 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	152.636.800	432.529.233
Tiền gửi ngân hàng	70.624.222.809	15.557.550.779
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	21.950.052	36.221.780
Cộng	70.798.809.661	16.026.301.792

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chứng khoán thương mại	148.379.178.942	152.714.398.082
- <i>Chứng khoán niêm yết</i>	148.379.178.942	152.714.398.082
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(40.215.224.070)	(87.745.715.212)
Cộng	108.163.954.872	64.968.682.870

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ sổ chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	21.071.300.000	25.158.820.000
Phải thu về sửa lỗi giao dịch	545.010.820	671.439.160
Phải thu về giao dịch chứng khoán khách hàng	3.757.859.465	5.106.094.214
Phải thu về lãi trái phiếu Chính Phủ	-	380.416.438
Phải thu về lãi góp vốn Công ty CP Giấy Hải Hà	-	974.999.733
Phải thu Công ty Cổ phần Hapaco	-	12.760.000.000
Phải thu cán bộ nhân viên (cổ phiếu ưu đãi)	960.000.000	315.000.000
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	45.391.729.064	3.740.393.610
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	68.858.661.935	-
Phải thu khác	313.203.534	1.349.427.555
Cộng	140.897.764.818	50.456.590.710

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	225.711.332	225.711.332
Cộng	225.711.332	225.711.332

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	206.298.216	4.916.817.698	3.263.426.312	204.642.400	-	8.591.184.626
2. Số tăng trong năm	-	8.406.215.153	-	-	-	8.406.215.153
- Mua sắm mới	-	8.406.215.153	-	-	-	8.406.215.153
3. Số giảm trong năm	-	112.350.617	-	-	-	112.350.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	112.350.617	-	-	-	112.350.617
4. Số dư cuối năm	206.298.216	13.210.682.234	3.263.426.312	204.642.400	-	16.885.049.162
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	73.462.443	2.289.451.813	563.165.242	76.653.472	-	3.002.732.970
2. Số tăng trong năm	40.375.564	1.560.695.933	326.287.520	42.942.708	-	1.970.301.725
- Trích khấu hao	40.375.564	1.560.695.933	326.287.520	42.942.708	-	1.970.301.725
3. Số giảm trong năm	-	106.221.895	-	-	-	106.221.895
- Thanh lý, nhượng bán	-	106.221.895	-	-	-	106.221.895
4. Số dư cuối năm	113.838.007	3.743.925.851	889.452.762	119.596.180	-	4.866.812.800
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	132.835.773	2.627.365.885	2.700.261.070	127.988.928	-	5.588.451.656
2. Cuối năm	92.460.209	9.466.756.383	2.373.973.550	85.046.220	-	12.018.236.362

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**b) Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	-	1.763.085.000	1.763.085.000
2. Số tăng trong năm	1.939.274.540	9.043.851.540	10.983.126.080
- Mua sắm mới	1.939.274.540	9.043.851.540	10.983.126.080
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.939.274.540	10.806.936.540	12.746.211.080
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	942.562.080	942.562.080
2. Số tăng trong năm	60.602.330	478.845.833	539.448.163
- Trích khấu hao	60.602.330	478.845.833	539.448.163
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	60.602.330	1.421.407.913	1.482.010.243
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	-	820.522.920	820.522.920
2. Cuối năm	1.878.672.210	9.385.528.627	11.264.200.837

c) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
309.789.530.000	Nguyên giá	29.631.260.242	0,10
	Khấu hao	(6.348.823.043)	
	Giá trị còn lại	23.282.437.199	0,08

9 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị bất động sản đầu tư là khoản tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng mua lại khu đất tại số 10 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Hải Phòng, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và móng nhà 15 tầng, giá trị thanh toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng đến thời điểm 31/12/2009 là 22.284.683.636 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	71.807.126.203	214.515.389.624
- Chứng khoán sẵn sàng để bán (Cổ phiếu chưa niêm yết)	71.807.126.203	208.790.389.624
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	5.725.000.000
Đầu tư dài hạn khác	16.429.400.000	5.000.000.000
- Góp vốn Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà	5.000.000.000	5.000.000.000
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.429.400.000	-
Cộng	88.236.526.203	219.515.389.624

Do không có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2009, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.300.395.673	1.494.545.588
Tiền lãi phân bổ	67.143.672	34.357.974
Số cuối năm	2.487.539.345	1.648.903.562

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	59.000.000.000	53.760.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hải Phòng (*)	30.000.000.000	35.000.000.000
- Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (**)	29.000.000.000	18.760.000.000
Cộng	59.000.000.000	53.760.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay

(*) Hợp đồng tín dụng số LD0936400031 ngày 30/12/2009, giá trị khoản vay là 17,9 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để ứng trước vốn theo hợp đồng tiền gửi để thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Thời hạn vay đến 06/01/2010. Lãi suất cho vay là 1%/tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và số dư tiền gửi thanh toán của Công ty tại ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số LD0936400036 ngày 30/12/2009, giá trị khoản vay là 12,1 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để ứng trước vốn theo hợp đồng tiền gửi để thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Thời hạn vay đến 06/01/2010. Lãi suất cho vay là 12%/năm. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và số dư tiền gửi thanh toán của Công ty tại ngân hàng.

(**) Hợp đồng tín dụng số LD0936500133/VPB-HẢI PHÒNG ngày 31/12/2009, giá trị khoản vay là 9 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ kinh doanh. Thời hạn vay đến 03/01/2010. Lãi suất cho vay là 1%/tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số LD0936500065/VPB-HẢI PHÒNG ngày 31/12/2009, giá trị khoản vay là 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ kinh doanh. Thời hạn vay đến 03/01/2010. Lãi suất cho vay là 1%/tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế Giá trị gia tăng	86.617.457	16.585.762
Thuế Thu nhập cá nhân	9.862.563	169.569.155
Cộng	96.480.020	186.154.917

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	83.755.983	28.634.423
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	39.534.546	43.564.685
Bảo hiểm thất nghiệp	10.729.448	-
Phải trả về tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	2.660.206.000	1.107.120.000
Tiền khách hàng nộp chưa có giấy báo	-	188.921.685
Các khoản phải trả, phải nộp khác	658.685.314	2.356.498.881
Cộng	3.452.911.291	3.724.739.674

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	239.398.090.000	70.391.440.000	-	309.789.530.000
Thặng dư vốn cổ phần	233.654.268.000		70.413.925.600	163.240.342.400
Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
Cổ phiếu quỹ	(6.626.436.000)	(8.489.230.000)	(93.275.600)	(15.022.390.400)
Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
LNST chưa phân phối (*)	(128.290.355.977)	21.092.681.262	-	(107.197.674.715)
Tổng cộng	382.690.792.754	82.994.891.262	70.320.650.000	395.365.034.016

(*) Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối tăng trong năm bao gồm 8.489.230.000 VND từ hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán ngân quỹ.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	309.789.530.000	239.398.090.000
- Vốn góp đầu năm	239.398.090.000	112.817.800.000
- Vốn góp tăng trong năm	70.391.440.000	126.580.290.000
- Vốn góp cuối năm	309.789.530.000	239.398.090.000

c) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm nay VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.978.953	23.939.809
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.978.953	23.939.809
- Cổ phiếu phổ thông	30.978.953	23.939.809
Số lượng cổ phiếu được mua lại	467.060	469.960
- Cổ phiếu phổ thông	467.060	469.960
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.511.893	23.469.849
- Cổ phiếu phổ thông	30.511.893	23.469.849
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	38.209.732.253	21.900.544.713
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	69.032.154.599	24.829.794.803
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	30.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	679.471.968	165.829.300
Doanh thu lưu ký chứng khoán	22.544.283	44.600.001
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	3.636.364	-
Thu cho thuê sử dụng tài sản	91.995.024	-
Doanh thu khác	1.452.533.077	20.930.920.550
Cộng	109.522.067.568	67.871.689.367

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.182.783.803	5.387.527.388
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	109.157.859.598	71.681.824.967
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11.200.000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	54.187.191	50.654.300
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	213.637.377	147.123.620
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	(43.697.525.139)	87.745.715.212
Chi phí khác	747.567.568	501.443.010
Chi phí trực tiếp chung	8.619.701.673	10.419.163.915
- Chi phí nhân viên	4.008.973.329	3.341.718.602
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	107.161.809	1.204.308.752
- Chi phí khấu hao TSCĐ	950.759.034	474.135.186
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.616.627.228	3.688.609.146
- Chi phí khác bằng tiền	936.180.273	1.710.392.229
Cộng	82.289.412.071	175.933.452.412

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.538.130.920	5.011.267.444
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ, đồ dùng văn phòng	197.727.146	699.374.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.558.378.354	1.116.884.135
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	33.754.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.211.115.774	1.394.046.081
Chi phí khác bằng tiền	5.122.547.994	3.484.036.812
Cộng	14.632.900.188	11.739.362.932

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.603.451.262	(119.801.125.977)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	6.516.307.963	11.672.225.599
Tổng thu nhập chịu thuế	6.087.143.299	(131.473.351.576)
Chuyển lỗ năm trước	(131.473.351.576)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(125.386.208.277)	(131.473.351.576)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.603.451.262	(119.801.125.977)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.603.451.262	(119.801.125.977)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.860.219	18.092.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	452	(6.622)

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	16.026.301.792	95.807.056.277	(79.780.754.485)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	64.968.682.870	64.993.682.870	(25.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150	44.138.924.291	43.913.212.959	225.711.332
Bất động sản đầu tư	240	22.284.683.636	-	22.284.683.636
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	219.515.389.624	243.490.389.624	(23.975.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	447.403.522.267	526.958.565.420	(79.555.043.153)
Nợ ngắn hạn	310	62.730.327.757	142.301.793.049	(79.571.465.292)
Nợ dài hạn	330	16.422.139	-	16.422.139
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	447.403.522.267	526.958.565.420	(79.555.043.153)

Chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" giảm do Công ty loại trừ số dư tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán ra khỏi báo cáo tài chính.

Chỉ tiêu "Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn" giảm do Công ty phân loại lại khoản đầu tư trái phiếu CII xuống chỉ tiêu "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn", chi tiết: "Đầu tư chứng khoán dài hạn".

Chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" tăng do Công ty phân loại lại khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa vào ngân sách Nhà nước lên chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước".

Chỉ tiêu "Bất động sản đầu tư" tăng do công ty phân loại lại khoản đầu tư bất động sản cuối năm trước trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn", chi tiết: "Đầu tư dài hạn khác".

Chỉ tiêu "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" giảm do ảnh hưởng của việc phân loại lại khoản đầu tư trái phiếu CII và khoản đầu tư bất động sản.

Chỉ tiêu "Tổng cộng tài sản" giảm do loại trừ số dư tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán; trình bày lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

Chỉ tiêu "Nợ ngắn hạn" giảm do việc loại trừ số dư tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán; trình bày lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa; phân loại lại khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm và dự phòng sang chỉ tiêu "Nợ dài hạn".

Chỉ tiêu "Nợ dài hạn" tăng do Công ty phân loại lại số dư khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm và dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

Chỉ tiêu "Tổng cộng nguồn vốn" giảm do loại trừ số dư tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán; trình bày lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Để phục vụ cho công tác quản lý, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập theo phương pháp gián tiếp, do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2008 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Người lập



Đặng Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh



Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Minh